Chi tiết mã HS 9508.29.00

Mã HS	9508.29.00
Mô tả hàng hóa	Rạp xiếc lưu động và bầy thú xiếc lưu động; trò chơi di chuyển trong công viên giải trí (amusement park rides) và trò chơi công viên nước (water park amusements); trò chơi hội chợ (fairground amusements), kể cả khu bắn súng giải trí; rạp lưu động / - Trò chơi di chuyển trong công viên giải trí và trò chơi công viên nước: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 17:45:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/95082900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18818
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18818
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18818
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18094
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18023
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18023
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18023
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18023
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18023
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18023
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18079
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18079
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18079
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18079

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18079
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18079
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18080
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18080
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18080
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18080
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18080
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18080
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18085
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18042
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18037
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18037
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18037
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18037
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18037
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18037
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18085
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18085
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18085
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18085
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18085
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18085
VCFTA	2022	2022	2	VC!D18149
VCFTA	2023	2023	1	VC!E18149
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18149
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18149

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18149
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18149
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18123
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18123
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18123
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18123
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18123
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18123
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18116
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18116
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18116
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18116
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18116
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18116
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D18146
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18146
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18146
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18146
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18146
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18146
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D18145
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18145
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18145
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18145
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18145
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18145

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18239
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18239
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18239
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18239
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18239
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18239
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18239
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18110
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18110
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18110
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18110
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18110
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18110
RCEP B	2022	2022	0	B!D18110
RCEP B	2023	2023	0	B!E18110
RCEP B	2024	2024	0	B!F18110
RCEP B	2025	2025	0	B!G18110
RCEP B	2026	2026	0	B!H18110
RCEP B	2027	2027	0	B!I18110
RCEP C	2022	2022	0	C!D18108
RCEP C	2023	2023	0	C!E18108
RCEP C	2024	2024	0	C!F18108
RCEP C	2025	2025	0	C!G18108
RCEP C	2026	2026	0	C!H18108
RCEP C	2027	2027	0	C!I18108
RCEP D	2022	2022	0	D!D18107

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18107
RCEP D	2024	2024	0	D!F18107
RCEP D	2025	2025	0	D!G18107
RCEP D	2026	2026	0	D!H18107
RCEP D	2027	2027	0	D!I18107
RCEP E	2022	2022	0	E!D18112
RCEP E	2023	2023	0	E!E18112
RCEP E	2024	2024	0	E!F18112
RCEP E	2025	2025	0	E!G18112
RCEP E	2026	2026	0	E!H18112
RCEP E	2027	2027	0	E!I18112
RCEP F	2022	2022	0	F!D18110
RCEP F	2023	2023	0	F!E18110
RCEP F	2024	2024	0	F!F18110
RCEP F	2025	2025	0	F!G18110
RCEP F	2026	2026	0	F!H18110
RCEP F	2027	2027	0	F!I18110
VIFTA	2024	2024	9	VI!F16980
VIFTA	2025	2025	8	VI!G16980
VIFTA	2026	2026	7	VI!H16980
VIFTA	2027	2027	6	VI!I16980

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9508.29.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9508.29.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9508.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 9508.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18818), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.